

Số: 620/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển
kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020 phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung; thống nhất với quy hoạch các ngành, lĩnh vực của cả nước.

2. Vận dụng sáng tạo các nghị quyết, quyết định của Đảng và Nhà nước, nhất là Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư để thu hút đầu tư trong và ngoài nước, gắn với huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tập trung phát triển các

vùng kinh tế trọng điểm đã xác định, tạo động lực cho phát triển kinh tế tỉnh nhanh và bền vững.

3. Phát huy lợi thế vùng, khai thác hiệu quả tiềm năng về tài nguyên, khoáng sản, đất đai của vùng miền Tây nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển ngành công nghiệp và dịch vụ, trong đó tập trung cho công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, dược liệu gắn với phát triển vùng nguyên liệu tập trung; công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sạch, tiết kiệm năng lượng; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái; đẩy mạnh phát triển kinh tế biển; mở rộng liên kết hợp tác phát triển với các nước.

4. Phát huy sức mạnh tổng hợp, bảo đảm đạt đồng thời 3 mục tiêu: Kinh tế, xã hội và môi trường; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng trọng yếu. Phát huy yếu tố con người, coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển. Quan tâm hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc phát triển toàn diện; bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống của các dân tộc trong tỉnh.

5. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, xã hội với bảo vệ môi trường; tăng cường liên kết kinh tế với các tỉnh trong vùng và cả nước; đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng hệ thống chính trị, hành chính vững mạnh, tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung khai thác tiềm năng, lợi thế, đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư để thu hút đầu tư trong và ngoài nước, phát triển kinh tế nhanh và bền vững gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng hiệu quả, sức cạnh tranh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phấn đấu xây dựng Nghệ An là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, văn hoá, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

2. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân 2016 - 2020 đạt 9,5 - 10,5%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.800 - 3.500 USD.

- Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp xây dựng chiếm khoảng 40 - 41%, dịch vụ chiếm khoảng 40 - 41%, nông lâm ngư nghiệp chiếm khoảng 18 - 20%.

- Phần đầu thu ngân sách trên địa bàn đạt khoảng 25.000 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu khoảng 1.000 triệu USD. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 400.000 tỷ đồng.

b) Về văn hóa - xã hội:

- Tốc độ tăng dân số tự nhiên hàng năm bình quân dưới 1%; mức giảm tỷ lệ sinh 0,3 - 0,4%/năm; ổn định quy mô dân số khoảng 3,18 triệu người vào năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo giảm mỗi năm từ 2,5 - 3% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020).

- Phần đầu phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 ở khu vực thành phố, thị xã, đồng bằng và núi thấp; 70% số trường đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65% và hàng năm giải quyết việc làm cho khoảng 35 - 37 nghìn lao động.

- Đảm bảo đủ giường bệnh, nhân viên y tế, nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh ở cả 3 tuyến; tỷ lệ bác sỹ là 8,5 bác sỹ/1 vạn dân và 30 giường bệnh/1 vạn dân; tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 75%.

- Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hoá khoảng 83 - 85% và 45% xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hoá, thể thao đạt chuẩn quốc gia.

- Cải thiện một bước cơ bản về kết cấu hạ tầng, bao gồm hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước sạch. Phần đầu 100% số hộ có điện sử dụng; tỷ lệ đô thị hoá đạt 35%; số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới đạt 50%.

c) Về bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh:

- Phần đầu 85% số hộ gia đình nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh; 90% dân số đô thị loại 4 trở lên và 80% dân số đô thị loại 5 được dùng nước sạch; trên 80% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường; 90% khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; tỷ lệ che phủ rừng đạt 57%.

- Đảm bảo tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý đạt 95%.

- Đảm bảo ổn định quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội. 85%

số xã, phường, thị trấn đạt vững mạnh toàn diện. Giảm tối đa các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy và tai nạn giao thông.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phát triển công nghiệp - xây dựng

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng bình quân hàng năm 14 - 15%, trong đó tốc độ tăng trưởng công nghiệp đạt 16 - 17%/năm.

Tập trung xây dựng vùng Hoàng Mai - Đông Hội gắn với khu kinh tế Nghi Sơn, trong đó phát triển nhiệt điện, xi măng, luyện thép, cơ khí, cảng biển,... xây dựng khu kinh tế Đông Nam thành khu kinh tế đa ngành, đa chức năng, trọng tâm là công nghiệp cơ khí, điện tử, công nghệ thông tin, chế tạo, thiết bị công nghệ cao, công nghiệp chế biến. Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ khu kinh tế Đông Nam, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ thu hút đầu tư xây dựng khu công nghiệp - thương mại, dịch vụ - đô thị và các dự án lớn vào khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp; xây dựng khu kinh tế Đông Nam thành khu kinh tế ven biển trọng điểm.

Đầu tư phát triển công nghiệp, gắn vùng nguyên liệu với khai thác, chế biến khoáng sản, sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp để khai thác vùng miền Tây của tỉnh.

Tăng cường quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhất là trên lĩnh vực sử dụng đất, môi trường. Đầu tư hoàn chỉnh thêm từ 5 - 10 cụm công nghiệp. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, xây dựng làng nghề ở các huyện, xã theo quy hoạch đã được phê duyệt gắn với xây dựng nông thôn mới. Xây dựng thêm khoảng 25 - 30 làng nghề, đưa tổng số làng nghề đạt 155 - 160 làng nghề vào năm 2020.

Tập trung các ngành công nghiệp chính như sau:

a) Công nghiệp khai khoáng: Điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến để đầu tư chiều sâu, hiện đại, nâng cao hiệu quả khai thác chế biến khoáng sản, bảo vệ tài nguyên môi trường. Phát triển nghề chế tác đá mỹ nghệ để tạo việc làm và thu nhập cho người lao động.

b) Công nghiệp chế biến: Rà soát, củng cố và nâng cấp các cơ sở chế biến quy mô vừa và nhỏ. Phát triển công nghiệp chế biến theo hướng đầu tư

thiết bị, công nghệ chế biến hiện đại, ưu tiên chế biến sâu, chế biến các mặt hàng xuất khẩu.

- Chế biến nông - lâm - thủy sản: Phát triển công nghiệp chế biến gỗ theo hướng chế biến sâu, tạo ra sản phẩm chất lượng cao để xuất khẩu, thay thế dần các sản phẩm xuất khẩu thô (nguyên liệu giấy, gỗ dăm xuất khẩu); chế biến than củi sạch trên cơ sở sử dụng phế phẩm từ chế biến gỗ. Đảm bảo nguyên liệu ổn định cho chế biến chè, cao su, cây ăn quả, sắn, chế biến thịt, sữa. Ổn định công suất các nhà máy đường hiện có. Xây dựng nhà máy sản xuất dược liệu, dược phẩm gắn với phát triển vùng nguyên liệu ở các huyện miền núi. Xây dựng các cụm chế biến hải sản vùng ven biển. Thu hút đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thịt và các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm,... vào khu kinh tế Đông Nam.

- Công nghiệp đồ uống: Đầu tư mở rộng, nâng cấp các nhà máy bia, đảm bảo sản lượng đạt 250 - 300 triệu lít vào năm 2020. Nâng công suất sữa chế biến đến năm 2020 đạt 450 triệu lít/năm.

- Cơ khí - điện tử, hóa chất và luyện kim:

+ Xây dựng công nghiệp cơ khí phục vụ tốt nhu cầu phát triển sản xuất của các ngành công nghiệp có ưu thế như sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm thủy sản và phục vụ công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn. Từng bước chuẩn bị cơ sở hạ tầng cho phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin; phấn đấu đến năm 2020, công nghệ thông tin trở thành công nghiệp chính của tỉnh, có tốc độ tăng trưởng cao; xây dựng và phát triển khu công nghiệp công nghệ thông tin ở thành phố Vinh, khu công nghiệp điện tử trong khu kinh tế Đông Nam.

+ Nâng cao chất lượng sản phẩm các loại phân bón và hoá chất. Phát triển các sản phẩm từ cao su phù hợp với quy mô vùng nguyên liệu, một số loại hoá dược chất lượng cao, các ngành công nghiệp hoá chất phụ trợ phục vụ công nghiệp lọc hoá dầu Nghi Sơn. Nghiên cứu đầu tư nhà máy sản xuất thuốc chữa bệnh công nghệ cao, nhà máy xút, nhà máy sản xuất đồ nhựa dân dụng và công nghiệp.

+ Phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao: Công nghiệp điện tử - tin học - viễn thông, công nghiệp công nghệ thông tin và công nghiệp sản xuất vật liệu mới, thiết bị tự động hoá, công nghệ sinh học.

- Dệt may, da giày: Tập trung hoàn thành cụm công nghiệp sợi, dệt, may Nam Giang, Đô Lương, Diễn Châu, Yên Thành; khu D khu công

nghiệp Nam Cẩm. Tiếp tục vận động xúc tiến đầu tư xây dựng các dự án dệt may.

- Sản xuất vật liệu xây dựng: Phát triển các sản phẩm mới, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; tập trung chỉ đạo hoàn thành các dự án xi măng Sông Lam giai đoạn 1, Tân Thắng, Hoàng Mai 2 giai đoạn 1; triển khai đầu tư tiếp giai đoạn 2 của nhà máy xi măng Sông Lam và nhà máy xi măng Hoàng Mai 2, phấn đấu nâng công suất xi măng toàn tỉnh đến năm 2020 đạt 10 triệu tấn. Nghiên cứu đầu tư xây dựng thêm nhà máy gạch ốp lát tại khu kinh tế Đông Nam, nhà máy sản xuất vật liệu nhựa xây dựng tại khu công nghiệp Nghĩa Đàn, nhà máy sản xuất bê tông đúc sẵn tại Đô Lương, Anh Sơn; tập trung chỉ đạo hoàn thành nhà máy gạch không nung tại Hoàng Mai.

- Công nghiệp hỗ trợ: Phát triển nhanh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho các ngành mà tỉnh có lợi thế: Cơ khí chế tạo, điện tử - tin học, dệt - may và công nghiệp công nghệ cao. Đổi mới trang thiết bị, công nghệ, đảm bảo năng lực tham gia các chương trình công nghiệp hỗ trợ của Chính phủ và các tập đoàn nước ngoài, phấn đấu trở thành trung tâm công nghiệp hỗ trợ khu vực Bắc Trung bộ vào năm 2020.

c) Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước:

- Điện: Nghiên cứu đầu tư xây dựng các nhà máy điện: Nhà máy số 1 của Trung tâm nhiệt điện Quỳnh Lập, công suất 1.200 MW, nhà máy thủy điện Mỹ Lý và nhà máy thủy điện Nậm Mô 1,... Phấn đấu nâng tổng công suất thủy điện và nhiệt điện trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 đạt khoảng 2.200 MW.

- Nước: Quy hoạch và xây dựng nguồn nước cung cấp cho các đô thị, khu công nghiệp và nông thôn, nhất là các vùng kinh tế trọng điểm và các vùng khan hiếm nước. Nâng cấp nhà máy nước Vinh, Cửa Lò, thị xã Thái Hòa và tiếp tục đầu tư xây dựng mới các nhà máy nước ở thị trấn của các huyện, các khu công nghiệp. Phấn đấu đến năm 2020, tổng công suất là 120.000 m³/ngày đêm, cung cấp đủ nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.

2. Phát triển các ngành dịch vụ

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 9 - 10%/năm.

a) Dịch vụ du lịch:

- Phấn đấu đến năm 2020, chỉ tiêu lượt khách đạt 5,5 triệu lượt khách;

doanh thu du lịch đạt khoảng 5.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 5% trong cơ cấu kinh tế GDP của tỉnh.

- Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; tiếp tục khai thác có hiệu quả du lịch nghỉ dưỡng; chú trọng phát triển du lịch sinh thái, du lịch dựa vào cộng đồng, đa dạng hóa các loại hình du lịch. Nghiên cứu xây dựng khu du lịch sinh thái hồ Tràng Đen - chùa Đại Tuệ, khu du lịch sinh thái biệt thự nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí Lan Châu - Song Ngư,...

b) Dịch vụ thương mại:

- Phân đấu tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và dịch vụ xã hội trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 120.000 tỷ đồng vào năm 2020.

- Hoàn thiện hạ tầng thương mại bao gồm trung tâm hội chợ triển lãm, các trung tâm thương mại, siêu thị và mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh; xây dựng các trung tâm thông tin tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp; xây dựng Vinh - Cửa Lò trở thành trung tâm thương mại lớn của vùng Bắc Trung bộ.

c) Dịch vụ tài chính - ngân hàng:

Thu hút các ngân hàng lớn trong và ngoài nước, công ty tài chính, bảo hiểm, các công ty chứng khoán thành lập các chi nhánh tại tỉnh. Phát triển hệ thống tổ chức tín dụng đa năng theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả, vững chắc với cấu trúc đa dạng về quy mô, loại hình; phân đấu tốc độ huy động vốn và tăng trưởng dư nợ 15 - 20%;

d) Dịch vụ bưu chính - viễn thông và công nghệ thông tin, báo chí xuất bản:

Hiện đại hoá và nâng cao năng lực thông tin truyền thông, báo chí xuất bản. Phát triển bưu chính viễn thông thành một trong những dịch vụ mũi nhọn của tỉnh, đóng vai trò hỗ trợ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội và đóng góp ngày càng lớn cho GDP tỉnh.

Hoàn thành xây dựng Đài Phát thanh Truyền hình Nghệ An, chuyển đổi công nghệ truyền hình mặt đất từ công nghệ tương tự sang công nghệ số. Phát triển mạng lưới truyền thanh cơ sở đến cấp xã, phường đảm bảo thông tin đến mọi người dân ở các vùng miền, đặc biệt là vùng khó khăn theo tinh thần Chương trình mục tiêu Quốc gia đưa thông tin về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và Đề án phát triển hệ thống Đài truyền thanh cơ sở đến cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

đ) Dịch vụ vận tải, kho bãi:

- Phấn đấu tốc độ tăng bình quân 10% đối với vận tải hành khách và 15% đối với vận tải hàng hóa trong kỳ quy hoạch.

- Phát triển dịch vụ vận tải theo hướng đa dạng hóa và tận dụng hiệu quả các loại hình vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không; nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, tạo điều kiện để mọi thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ vận tải, kết hợp chặt chẽ phát triển dịch vụ vận tải với phát triển du lịch.

e) Phát triển các dịch vụ khác:

Phát triển nhanh, mạnh, có chọn lọc, vững chắc, lành mạnh các ngành dịch vụ tư vấn, khoa học công nghệ, kinh doanh tài sản, đầu tư, thị trường, dịch vụ có hàm lượng chất xám cao, dịch vụ phục vụ cá nhân và cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân trong tỉnh, các nhà đầu tư, khách du lịch,... Đảm bảo chất lượng dịch vụ tiệm cận dần với các trung tâm dịch vụ khác trong cả nước; chuyên dần từng bước các hoạt động sự nghiệp công ích như nghiên cứu ứng dụng công nghệ, y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao, dịch vụ đô thị sang cơ chế hoạt động dịch vụ phù hợp.

3. Phát triển nông, lâm, thủy sản

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao. Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu nội ngành nông nghiệp trên cơ sở áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng. Khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát triển các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu, ứng dụng công nghệ cao. Tăng nhanh tỷ trọng giá trị chăn nuôi và thủy hải sản. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp thời kỳ 2016 - 2020 đạt 4,5 - 5,0%.

- Trồng trọt: Chuyển diện tích đất trồng lúa không hiệu quả sang trồng các loại cây khác có giá trị gia tăng cao hơn, ổn định sản xuất lúa trên diện tích đất 2 vụ chủ động tưới nước với diện tích gieo trồng khoảng 170 ngàn ha; hình thành và phát triển vùng sản xuất rau tập trung sản xuất theo quy trình VietGAP đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm; phát triển vùng nguyên liệu mía, chè, cao su, cây ăn quả,... bảo đảm cung cấp đủ nguyên liệu cho các nhà máy; nghiên cứu mở rộng diện tích trồng sắn tại các huyện miền núi để đáp ứng nguyên liệu cho một số nhà máy chế biến tinh bột sắn. Xây dựng vùng sản xuất tập trung các loại cây dược liệu (gấc, chanh leo, gừng, nghệ,...) để tạo vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến dược liệu.

- Chăn nuôi: Chú trọng phát triển cả về số lượng và chất lượng với các loại con nuôi chủ lực như trâu, bò thịt, bò sữa, lợn và gia cầm; đẩy mạnh phát triển bò sữa làm khâu đột phá trong chăn nuôi; chuyển đổi từ mô hình

chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển tập trung, quy mô công nghiệp; chú trọng phát triển diện tích trồng cây thức ăn phục vụ chăn nuôi như ngô, cỏ.

- Lâm nghiệp: Làm tốt công tác khoanh nuôi, chăm sóc, bảo vệ và trồng rừng. Làm giàu rừng bằng các loài cây bản địa, ưu tiên đầu tư trồng mới rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng chắn sóng, lấn biển. Bảo vệ rừng đặc dụng, bảo vệ quỹ gen, bảo đảm đa dạng sinh học và các mô hình bền vững cho bảo tồn đa dạng sinh học. Bảo vệ nghiêm ngặt vườn quốc gia Pù Mát, khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huông, Pù Hoạt. Đẩy mạnh trồng rừng sản xuất, hình thành vùng nguyên liệu gắn với kêu gọi đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến với các sản phẩm có giá trị cao.

- Thủy sản: Cơ cấu lại theo hướng giảm dần, tiến tới ổn định sản lượng khai thác thủy sản gần bờ, phát triển khai thác hải sản xa bờ; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản trên các diện tích mặt nước, phát triển các hình thức nuôi sạch, nuôi sinh thái, luân canh, xen canh,... Tập trung đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản lý, điều hành tại các cơ sở chế biến thủy hải sản xuất khẩu.

- Diêm nghiệp: Phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất muối, áp dụng cơ giới hóa và cải tiến kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất và chất lượng muối.

- Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên cơ sở chú trọng phát triển sản xuất, đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp. Phát triển tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề, dịch vụ ở nông thôn gắn liền với bảo vệ môi trường. Tăng cường huy động nguồn lực để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.

4. Phát triển các lĩnh vực xã hội

a) Giáo dục, đào tạo:

Xây dựng Nghệ An thành trung tâm giáo dục, đào tạo của vùng Bắc Trung bộ. Nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học và cao đẳng hiện có.

Tập trung đầu tư nâng cấp mạng lưới các trường dạy nghề, bảo đảm đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu đào tạo nghề của vùng Bắc Trung bộ; đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu xã hội. Đầu tư nâng cấp các trường nghề chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật cho các ngành kinh tế mũi nhọn, các khu công nghiệp, xuất khẩu lao động.

Huy động mọi nguồn lực tập trung xây dựng cơ sở vật chất trường lớp, phương tiện dạy và học; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đến năm 2020 100% phòng học được kiên cố hoá; xây dựng 1 - 2 trường phổ thông trở

thành trường trọng điểm quốc gia, thu hút đầu tư xây dựng 01 trường trung học phổ thông quốc tế.

Thu hút đầu tư xây dựng 01 trường đại học đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế về các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới,... Đổi mới và nâng cao chất lượng của hệ thống giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp. Cơ cấu lại ngành nghề đào tạo một cách hợp lý trên cơ sở nhu cầu của xã hội. Ưu tiên đầu tư các trường nghề chất lượng cao và các trường được lựa chọn trọng điểm.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng:

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật khám chữa bệnh chất lượng cao, gắn với ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và công tác chuyên môn, từng bước đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh. Tiếp tục đầu tư xây dựng giai đoạn 2 Bệnh viện Đa khoa, Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Sản nhi, Bệnh viện Chấn thương, Bệnh viện Nội tiết, Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm - Thực phẩm, Trung tâm Kiểm soát dịch bệnh tỉnh Nghệ An. Thu hút đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa quốc tế hiện đại, Bệnh viện Đa khoa tỉnh 600 giường tại khu B.

Phát triển nguồn nhân lực y tế về số lượng và chất lượng, tiến tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sỹ và điều dưỡng, kỹ thuật viên, phân bổ hợp lý giữa các vùng, miền và các tuyến. Kết hợp hài hòa giữa củng cố mạng lưới y tế cơ sở với phát triển y tế chuyên sâu, giữa phát triển y tế công lập với y tế ngoài công lập, giữa y học hiện đại với y học cổ truyền.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng thuốc chữa bệnh. Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, máu, chế phẩm máu và trang thiết bị y tế có chất lượng tốt với giá cả phù hợp. Đa dạng hóa các phương pháp kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc thai sản. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em. Bố trí nguồn lực, thúc đẩy phong trào toàn dân bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em ở các cấp.

c) Phát triển văn hoá:

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ, hoàn chỉnh các chuẩn mực giá trị văn hóa, tạo môi trường và điều kiện cho phát triển kinh tế xã hội. Tiếp tục tập trung chỉ đạo phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư". Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh xuống cơ sở. Xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong từng cộng đồng làng, bản,... Đổi mới nội dung hoạt động của hệ thống nhà văn hóa, phục vụ tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Hoàn chỉnh và triển khai Quy hoạch hệ thống di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh và Quy hoạch tổng thể bảo tồn di tích gắn với phát triển kinh tế, du lịch. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử văn hóa Kim Liên,

Bảo tồn tôn tạo Khu di tích Xô viết Nghệ Tĩnh, khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Hồng Phong, khu di tích Trường Bôn và một số di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu khác. Xây dựng các công trình văn hóa, trung tâm nghệ thuật biểu diễn quy mô lớn tâm khu vực.

Thực hiện Chương trình hành động quốc gia về bảo tồn và phát huy di sản dân ca Ví Giặm Nghệ Tĩnh. Tập trung điều tra, kiểm kê, sưu tầm nghiên cứu kho tàng di sản văn hoá phi vật thể, trong đó ưu tiên điều tra vùng miền Tây Nghệ An. Đầu tư cho Trung tâm Bảo tồn và Phát huy di sản Dân ca xứ Nghệ để đáp ứng chức năng, nhiệm vụ mới. Thành lập mạng lưới câu lạc bộ dân ca Ví dặm Nghệ Tĩnh tại các huyện, thành phố, thị xã.

d) Phát triển thể dục - thể thao:

Củng cố và nâng cao chất lượng phong trào thể dục thể thao quần chúng và chăm lo công tác đào tạo, huấn luyện, thi đấu các môn thể thao thành tích cao, nhất là các môn có lợi thế của tỉnh. Quy hoạch và từng bước xây dựng trung tâm thi đấu thể dục thể thao đa năng hiện đại tại khu vực thành phố Vinh, đảm bảo điều kiện tổ chức thi đấu cho khu vực. Thể thao thành tích cao đứng trong top 13 - 15 tỉnh, thành, ngành có phong trào thể thao mạnh cả nước, có 23 môn thể thao được tập trung đào tạo.

đ) Khoa học và công nghệ:

Phát triển năng lực khoa học công nghệ đạt mức khá so với các địa phương trong cả nước, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế và năng lực cạnh tranh các sản phẩm hàng hóa. Xây dựng Nghệ An thành trung tâm khoa học và công nghệ vùng Bắc Trung bộ, trọng tâm là nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các thành tựu khoa học công nghệ và công nghệ cao, đào tạo nhân lực phục vụ sản xuất và đời sống, có tầm ảnh hưởng đến các tỉnh trong khu vực. Phấn đấu đến năm 2020, trình độ công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ yếu đạt mức khá so với cả nước, công nghệ sản xuất các sản phẩm chủ yếu của tỉnh có tỷ lệ đổi mới công nghệ 10 - 15%.

Huy động mọi nguồn lực xã hội cho khoa học và công nghệ. Hợp tác, kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước xây dựng hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ cao, các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ điện - điện tử, tự động hóa trên địa bàn tỉnh.

e) Lao động, việc làm và an sinh xã hội:

Phân bố lực lượng lao động phù hợp, tăng số lượng lao động ở vùng trung du, miền núi, vùng có nhiều tiềm năng phát triển nhưng thiếu lao động. Phấn đấu đến năm 2020, lao động kỹ thuật đào tạo nghề (từ sơ cấp

đến cao đẳng nghề) chiếm khoảng 84% tổng số lao động qua đào tạo; lao động trình độ trung cấp chuyên nghiệp chiếm 4,9% tổng số lao động qua đào tạo; lao động có trình độ cao đẳng chuyên nghiệp và trình độ cao hơn chiếm hơn 10% tổng số lao động qua đào tạo.

Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình, dự án xoá đói giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội.

5. Bảo đảm quốc phòng - an ninh

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Nâng cao chất lượng xây dựng cơ sở an toàn làm chủ sẵn sàng chiến đấu và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng an ninh, giữ vững an ninh biên giới, chủ quyền biển đảo. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh. Từng bước đầu tư xây dựng các thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ.

6. Bảo vệ môi trường và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đối với mọi người dân và trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp chính quyền về tài nguyên và môi trường. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường.

Nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh, nhất là hiệu quả về sử dụng tài nguyên đất, nước, khoáng sản. Ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, tiên tiến vào lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản.

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, bảo vệ đa dạng sinh học. Thực hiện tốt công tác quản lý tổng hợp các nguồn lực về tài nguyên.

7. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

a) Giao thông:

- Đường bộ: Hoàn thiện các quy hoạch cứng đối với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông nhằm phát triển mạnh dịch vụ vận tải.

+ Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc đoạn Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Vinh (Nghệ An) và tuyến đường bộ cao tốc nối cửa khẩu Thanh Thủy, đường Hồ Chí Minh với đường bộ cao tốc Bắc Nam; đường nối quốc lộ 45 (Thanh Hóa) với quốc lộ 48 (Nghệ An); nghiên cứu xây dựng một số tuyến tránh đoạn qua

khu đô thị; cầu vượt đường sắt với các tuyến đường tỉnh tại các điểm trọng yếu; tuyến đường bộ ven biển Nghi Sơn (Thanh Hoá) - Cửa Hội (Cửa Lò).

+ Nâng cấp các tuyến đường quốc lộ 7, 15, 48, 48B, 48C, 46, 46B.

+ Tập trung nguồn lực xây dựng hoàn thành các công trình giao thông quan trọng như: Đại lộ Vinh - Cửa Lò, đường tỉnh ĐT 537, cầu Yên Xuân qua sông Lam, ĐT 534, ĐT 543 (giai đoạn 2), ĐT 543 (giai đoạn 2), ĐT 544B (giai đoạn 2), đường nối đường N5 khu kinh tế Đông Nam đến Hòa Sơn (Đô Lương) - Tân Long (Tân Kỳ), đường Mường Xén - Ta Đơ - Khe Kiền. Phối hợp tốt với tỉnh Hà Tĩnh đẩy nhanh việc triển khai xây dựng Cầu Bến Thủy III, phối hợp với tỉnh Bolykhamxay (Lào) xây dựng đường từ cửa khẩu Thanh Thủy đến thị xã tỉnh Bolykhamxay.

Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh và hệ thống giao thông nội thành, nội thị, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị, các tuyến đường trục chính vào vùng nguyên liệu, du lịch, các tuyến đường đến trung tâm xã, các tuyến đường kinh tế kết hợp với quốc phòng, các tuyến đường tuần tra biên giới, các tuyến đường giao thông biên giới; các tuyến đường cứu hộ, cứu nạn ứng cứu bão lũ và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng mới, nâng cấp các bến xe khách, các bãi đỗ xe, các trạm dừng chân, trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh thuộc địa bàn tỉnh,... Tiếp tục thu hút đầu tư mở các tuyến xe buýt nội thành và từ thành phố Vinh đi đến các vùng phụ cận.

- Đường sông: Đầu tư nạo vét, loại bỏ các chướng ngại vật, cải tạo luồng lạch và tiêu chuẩn hoá hệ thống phao tiêu, biển báo, bảo đảm cho phương tiện hoạt động an toàn trên các tuyến sông; nghiên cứu đầu tư xây dựng mới và nâng cấp một số bến cảng nhằm phục vụ nhu cầu xếp dỡ, vận tải hàng hoá và vận tải khách ngang sông dọc tuyến.

- Cảng biển: Tiếp tục đầu tư nạo vét luồng, xây dựng bến 5 và bến 6, nâng cấp cảng Cửa Lò thành cảng biển quốc tế; xây dựng cảng Đông Hội.

- Đường sắt: Nâng cấp tuyến đường sắt Bắc Nam, đại tu thay thế kết cấu tầng trên, bảo đảm nâng tốc độ chạy tàu theo chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt; nghiên cứu xây dựng mới tuyến đường sắt tốc độ cao đoạn Vinh đi Hà Nội.

- Đường hàng không: Đầu tư xây dựng cảng hàng không Vinh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

b) Bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin: Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử. Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

c) Hệ thống phân phối điện:

Phát triển lưới điện truyền tải đồng bộ, ổn định, phù hợp với quy hoạch vùng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp với điện lực hoàn thành cải tạo, nâng cấp lưới điện nông thôn, cấp điện cho các thôn bản chưa có điện quốc gia trước năm 2020.

d) Về hạ tầng đô thị và cấp thoát nước: Phát triển hạ tầng đô thị thành phố Vinh, các thị xã, thị trấn theo quy hoạch được phê duyệt. Trong đó ưu tiên cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các tuyến chính ra vào thành phố Vinh, các thị xã, các trục giao thông hướng tâm, nút giao lập thể tại các giao lộ lớn, các tuyến tránh, đường vành đai và các cầu lớn tại các đô thị. Từng bước phát triển đồng bộ, hiện đại các đô thị, hệ thống giao thông thông minh, dịch vụ giao thông công cộng, xây dựng các điểm đỗ xe, bến xe. Sớm di dời các bến xe ra khỏi khu vực nội thành thành phố Vinh.

Đầu tư đảm bảo nguồn cung cấp nước ổn định, thu gom, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường cho đô thị, các khu công nghiệp và vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh. Đầu tư xây dựng, cải tạo các hệ thống thu gom thoát nước và xử lý nước thải trong các khu đô thị, đến năm 2020 khắc phục cơ bản tình trạng ngập úng tại các đô thị từ loại IV trở lên.

đ) Hạ tầng thương mại: Hoàn thiện mạng lưới hạ tầng chợ, trung tâm thương mại, nhất là tại các khu vực nông thôn, miền núi; nghiên cứu xây dựng Trung tâm hội chợ triển lãm thương mại cấp tỉnh; phát triển nhanh hệ thống thương mại điện tử.

e) Hệ thống thủy lợi:

Tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi trọng điểm: Dự án hồ Bản Mòng; công Nam Đàn giai đoạn 2; hệ thống tiêu úng Vách Nam - Sông Bùng; xây dựng các trạm bơm tiêu úng phía Đông Nam thành phố Vinh; nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An; xây dựng công ngăn mặn, giữ ngọt trên sông Lam và sông Hoàng Mai; nâng cấp hệ thống sông Cả bảo đảm an toàn trong phòng chống bão lụt. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới một số cảng cá, các cơ sở neo đậu tránh trú bão cho tàu cá ở các huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Cửa Lò và thị xã Hoàng Mai.

Tiếp tục đầu tư củng cố, nâng cấp đê sông, đê biển, kết hợp đẩy mạnh trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển; tập trung sửa chữa, nâng cấp hồ chứa, bảo đảm an toàn trong mùa mưa bão, chủ động nguồn nước tưới trong mùa hạn; tiếp tục thực hiện chương trình bê tông hoá kênh mương.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Phát triển đô thị

- Tổ chức quy hoạch, xây dựng các đô thị trung tâm trên các vùng một cách hợp lý, phù hợp với Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2014 - 2020 và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa trên phạm vi toàn tỉnh.

- Hình thành hệ thống đô thị như: Thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, đô thị Thái Hòa, trung tâm vùng phía Tây Bắc; đô thị Hoàng Mai, trung tâm Nam Thanh Bắc Nghệ; các đô thị giữ vai trò chức năng khác như: Phủ Diễn huyện Diễn Châu, Đô Lương, Tân Kỳ. Xây dựng huyện Con Cuông thành thị xã Con Cuông theo hướng đô thị sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở vùng miền núi Tây Nam Nghệ An.

2. Phát triển các vùng kinh tế

a) Vùng đồng bằng, ven biển: Định hướng phát triển nông nghiệp, phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến; phát triển du lịch và các dịch vụ có hàm lượng tri thức cao. Thực hiện có hiệu quả Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

- Vùng Kinh tế Đông Nam gắn với vùng kinh tế Nam Nghệ - Bắc Hà: gồm khu kinh tế Đông Nam, thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn. Xây dựng thành phố Vinh thành trung tâm vùng Bắc Trung bộ về tài chính, thương mại, du lịch, khoa học - công nghệ, công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ cao, y tế, văn hóa, thể thao, giáo dục đào tạo. Xây dựng khu kinh tế Đông Nam thành khu kinh tế đa ngành, đa chức năng trọng điểm của cả nước, gắn với thành phố Vinh trở thành địa bàn phát triển có tính đột phá của tỉnh Nghệ An.

- Vùng Hoàng Mai - Quỳnh Lưu gắn với vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ: Xây dựng thành vùng kinh tế trọng điểm; tập trung phát triển các ngành công nghiệp động lực như xi măng, nhiệt điện, luyện thép, công nghiệp cơ khí...

b) Vùng miền núi: Trọng điểm vùng là Tân Kỳ - Đô Lương - Nghĩa Đàn - Thái Hoà - Quỳnh Hợp gắn với miền Tây Nghệ An. Định hướng phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, trồng rừng (cao su, chè, cam, mía, trâu, bò,...). Phát triển các ngành công nghiệp động lực là: Thủy điện, xi măng, vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản, công nghiệp khai khoáng. Thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với trung tâm là huyện Nghĩa Đàn. Chuẩn bị các điều kiện để hình thành khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy nhằm phát triển giao lưu kinh

tế với Lào, vùng Đông Bắc của Thái Lan và Myanmar.

V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH.

1. Giải pháp về huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển cho giai đoạn 2015 - 2020 khoảng 400.000 tỷ đồng. Để thu hút đủ nguồn vốn, cần phát huy tối đa nội lực, có chính sách, giải pháp cụ thể thu hút các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Phát triển mạnh các ngành sản xuất và dịch vụ để tăng thu cho ngân sách nhà nước; phân đầu tăng tỷ lệ thu từ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.

- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn nhất là nguồn vốn của các doanh nghiệp, vốn trong dân và trong các thành phần kinh tế, bằng phương thức kết hợp nhà nước và nhân dân cùng làm, đối tác công - tư (PPP). Huy động tốt nguồn lực bên ngoài, nhất là vốn ODA, FDI,... để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng. Sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương hợp lý, hiệu quả, đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng ngân sách. Tăng cường các giải pháp xã hội hóa đầu tư, nhất là trong lĩnh vực giao thông nông thôn, giáo dục, đào tạo, y tế,...

2. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để phát triển, trong đó tập trung phát triển các lĩnh vực ưu tiên

Tiếp tục chủ động làm việc với các Bộ, ngành Trung ương có liên quan để thực hiện những định hướng lớn của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020 theo Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị; trong đó tập trung các giải pháp về các chính sách lớn để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; bổ sung cơ chế, chính sách để huy động các nguồn lực, khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, góp vốn xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ. Hỗ trợ ngân sách trung ương để triển khai thực hiện đúng tiến độ một số dự án trọng điểm cấp vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung. Tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống phòng thủ trên địa bàn tỉnh, kết cấu hạ tầng đảo Ngư, đảo Mắt,...

Tăng cường các giải pháp thu hút đầu tư và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về môi trường đầu tư kinh doanh và các chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh, tạo

sự đồng thuận cao trong phát triển kinh tế xã hội bằng nhiều hình thức phong phú.

Nâng cao nhận thức và tăng cường hành động của các cấp ủy, chính quyền, các ngành và toàn xã hội về vị trí, vai trò của doanh nghiệp, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, vai trò của đội ngũ doanh nhân.

3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Tập trung phát triển nguồn nhân lực đảm bảo cả về thể lực và trí lực trên cơ sở củng cố hệ thống giáo dục từ bậc học mầm non, phổ thông, đến đào tạo chuyên nghiệp, giáo dục nghề nghiệp và phát triển hệ thống hạ tầng xã hội như y tế, văn hoá,... Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ tay nghề của người lao động, nhất là nông dân. Gắn việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế với cơ cấu lao động trên cơ sở làm tốt công tác đào tạo theo các ngành nghề.

Tăng cường, tập trung nguồn lực ngân sách nhà nước kết hợp với tăng cường xã hội hoá, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Đẩy mạnh hợp tác, khuyến khích đầu tư của khu vực tư nhân, đầu tư nước ngoài và sự tham gia của người dân để thực hiện hiệu quả các chương trình của nhà nước.

Ưu tiên chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cho đội ngũ cán bộ miền núi, cán bộ cấp xã. Ưu tiên đào tạo chuyên sâu để hình thành được đội ngũ chuyên gia đầu đàn có trình độ cao. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để đội ngũ trí thức phát huy hiệu quả năng lực, sở trường.

Triển khai liên kết với các tập đoàn kinh tế, cơ sở đào tạo của nước ngoài để đào tạo kỹ sư chất lượng cao về các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... Triển khai nhiều hình thức đào tạo, tập huấn, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề. Xây dựng Trung tâm đào tạo giáo dục định hướng, ngoại ngữ để đảm bảo yêu cầu chất lượng và tăng nhanh số lượng lao động xuất khẩu.

4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ

Thực hiện đồng bộ ba nhiệm vụ chủ yếu: Đổi mới nghiên cứu, ứng dụng; nâng cao năng lực khoa học, công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh, trong quản lý hành chính và trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành công việc hàng ngày của các ngành, các cấp.

Tiếp cận nhanh và áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống; hình thành và phát triển một số lĩnh vực công nghệ cao như công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, trong đó ưu tiên đầu tư cho việc khảo nghiệm, đưa các loại giống cây, con có năng suất cao, chất lượng tốt và tính thích nghi cao vào sản xuất, đồng thời đầu tư khoa học công nghệ phát triển các sản phẩm truyền thống thành hàng hóa. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, thú y, bảo vệ thực vật từ tỉnh đến cơ sở.

Đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, tổng kết thực tiễn phục vụ cho nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Nghiên cứu khai thác các giá trị truyền thống văn hoá, lịch sử của quê hương phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và phát triển Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Nghệ An thành Phân viện nghiên cứu Khoa học xã hội và nhân văn.

Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho các đơn vị khoa học công nghệ trọng điểm. Ưu tiên đầu tư các dự án thuộc Đề án xây dựng Nghệ An thành trung tâm khoa học công nghệ vùng Bắc Trung bộ. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ, xây dựng và triển khai chương trình hợp tác khoa học công nghệ với các cơ quan khoa học công nghệ nước ngoài.

5. Xây dựng các chính sách tạo động lực cho phát triển các lĩnh vực kinh tế xã hội

Vận dụng các cơ chế chính sách của trung ương, rà soát, sửa đổi cơ chế, chính sách theo yêu cầu phát triển mới, phù hợp nhằm đẩy nhanh hiện thực những chương trình trọng điểm, vùng động lực sớm phát huy hiệu quả, đồng thời có biện pháp huy động tổng lực, tập trung và kiên quyết.

Rà soát, ban hành và thực hiện một số chính sách lớn như chính sách cho phát triển các mũi kinh tế trọng điểm, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới gắn với chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, phát triển giáo dục đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chăm sóc sức khỏe, an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng, hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất, chính sách an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát huy tiềm năng, lợi thế của Nghệ An trong môi liên kết đối với vùng Bắc Trung bộ và cả nước. Tận dụng các tiềm năng và thế mạnh của các địa phương khác; khai thác thị trường trong vùng tạo hiệu quả cho phát triển vùng. Phối hợp với các tỉnh khác nhằm phát huy lợi thế của mỗi địa

phương trên tinh thần hợp tác phát triển cùng có lợi, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - chính trị, trật tự - an toàn xã hội của từng địa phương nói riêng và cả nước nói chung. Tập trung vào các lĩnh vực đầu tư, thương mại, du lịch, y tế,...

6. Bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên

Bảo đảm yêu cầu về môi trường ngay từ khâu thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư, thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động môi trường.

Rà soát các văn bản liên quan đến công tác bảo vệ môi trường để điều chỉnh, bổ sung phù hợp. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Nghiêm cấm việc nhập ngoại các dây chuyền, máy móc thiết bị, hàng tiêu dùng đã qua sử dụng và đã lạc hậu.

Kiểm soát chặt chẽ chất thải, nhất là chất thải độc hại. Kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường. Khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý chất thải.

Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt. Bố trí quỹ đất cho sản xuất và xây dựng trên địa bàn bảo đảm hiệu quả cao. Tăng cường hoạt động bảo vệ, phát triển tài nguyên rừng thông qua việc xây dựng và thực hiện các dự án phát triển rừng. Tăng cường công tác kiểm tra, tổ chức tốt việc khai thác khoáng sản để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Sau khi điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020 được phê duyệt, tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Căn cứ nội dung điều chỉnh của Quy hoạch, các cấp, các ngành, các huyện, thành phố, thị xã xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch chi tiết, kế hoạch 5 năm và hàng năm bảo đảm phù hợp định hướng phát triển của tỉnh, xây dựng các kế hoạch để thực hiện quy hoạch đạt kết quả và hiệu quả cao; định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực

hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong điều chỉnh Quy hoạch được phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể, đồng bộ giữa kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn vốn một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp yêu cầu phát triển của tỉnh và luật pháp của nhà nước trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

Điều 4. Giao các Bộ, ngành Trung ương liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trong quá trình thực hiện quy hoạch; nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30 tháng 7 năm 2013 trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nêu trong quy hoạch.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trong việc điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch ngành, lĩnh vực đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của quy hoạch; xem xét hỗ trợ tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và ngoài nước để thực hiện quy hoạch.

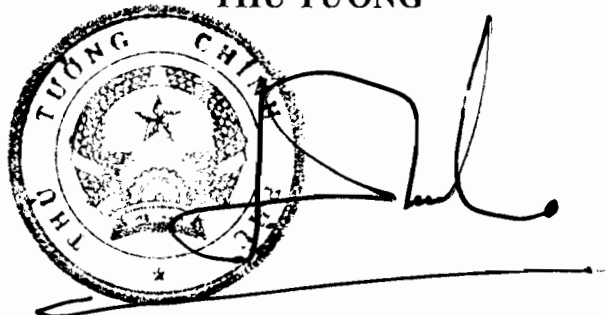
Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 197/2007/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Nghệ An;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).PC 106

THỦ TƯỚNG

The image shows the official seal of the Prime Minister of Vietnam, which is circular and contains the national emblem of Vietnam. To the right of the seal is a handwritten signature in black ink.

Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN
NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020 CỦA TỈNH NGHỆ AN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 620/QĐ-TTg
ngày 10 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình, dự án
I	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ DO TRUNG ƯƠNG VÀ TỈNH QUẢN LÝ, THỰC HIỆN
1	Xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam, đoạn qua địa bàn tỉnh Nghệ An và tuyến đường cao tốc nối cửa khẩu Thanh Thủy, đường Hồ Chí Minh với đường bộ cao tốc Bắc Nam
2	Nâng cấp tuyến đường sắt Bắc Nam đoạn qua Nghệ An
3	Hoàn thành nâng cấp, mở rộng quốc lộ 7, đoạn km0 - km36
4	Mở rộng quốc lộ 46B, đoạn Rộ đi Đô Lương
5	Xây dựng, nâng cấp tuyến quốc lộ 46
6	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 48
7	Nâng cấp quốc lộ 15A, đoạn Đô Lương - Tân Kỳ
8	Quốc lộ ven biển Nghi Sơn - Cửa Hội
9	Cầu Yên Xuân
10	Đường nối quốc lộ 45 (Thanh Hoá) với quốc lộ 48 (Nghệ An)
11	Hồ chứa nước Bản Mông
12	Xây dựng thêm một đường cất hạ cánh sân bay Vinh
13	Nâng cấp Trường Đại học Vinh
14	Nâng cấp Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh
15	Dự án chống biến đổi khí hậu
16	Đại lộ Vinh - Cửa Lò
17	Tuyến đường Hữu Khuông - Nhân Mai - Mai Sơn
18	Các tuyến đường giao thông liên xã, trung tâm xã
19	Nâng cấp đường vào các xã đường ô tô chưa vào được 4 mùa
20	Tuyến Mường Xén - Ta Do - Khe Kiền
21	Xây dựng quốc lộ 46 đoạn tránh thị trấn huyện Nam Đàn
22	Các tuyến đường cứu hộ, cứu nạn khắc phục thiên tai
23	Xây dựng cầu treo và cầu cứng qua sông suối trên địa bàn các huyện miền núi
24	Đường nối đường N5 khu kinh tế Đông Nam đến Hoà Sơn (Đô Lương)
25	Đường gom đường sắt Bắc Nam đoạn Nam Cẩm - Vinh (Quán Bàu)
26	Đường Bắc - Nam phía đông thành phố Vinh
27	Đường quốc lộ 48 tránh trung tâm đô thị Thái Hòa
28	Xây dựng nhà máy nước phục vụ các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp và các điểm dân cư tập trung
29	Hạ tầng đô thị thị xã du lịch biển Cửa Lò

30	Hạ tầng đô thị thị xã Hoàng Mai	
31	Hạ tầng đô thị thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp	
32	Nâng cấp cảng Cửa Lò gắn với khu kinh tế Đông Nam	
33	Nâng cấp hệ thống đê biển, đê cửa sông	
34	Nâng cấp hệ thống Đê sông Cả	
35	Công ngăn mặn giữ ngọt sông Lam	
36	Công ngăn mặn giữ ngọt sông Hoàng Mai	
37	Hồ chứa nước Khe Lại - Vực Mầu	
38	Xây dựng hồ chứa nước Khe Hạc	
39	Nâng cấp hệ thống thủy nông Bắc	
40	Nâng cấp hệ thống thủy nông Nam	
41	Cải tạo, nâng cấp kênh Trà Lam	
42	Các dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu úng, thoát lũ	
43	Các dự án xây mới, nâng cấp mô hình nuôi cá lồng bè và cơ sở neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.	ô cảng cá và cơ sở neo đậu tránh trú bão
44	Sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới	trạm thủy lợi hồ đập, trạm bơm điện
45	Dự án xây dựng và phát triển khu	trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An
46	Công viên Công nghệ - Thông tin	
47	Tăng cường năng lực đo lường	ử nghiệm của Chi cục Tiêu chuẩn - đo
48	Xây dựng sàn giao dịch thiết bị -	g yêu cầu của vùng bắc Trung bộ
49	Khu công nghệ cao trong khu kinh	ng nghệ vùng Bắc Trung bộ
50	Xây dựng Trường Đại học Y khoa	ế Đông Nam
51	Xây dựng Trường Cao đẳng văn	hinh
52	Xây dựng Trường Đại học Kinh	hệ thuật
53	Nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm	hệ An
54	Xây dựng Trường Trung học phổ	hệ An
55	Xây dựng Trường chuyên Trung	ông Dân tộc nội trú II
56	Trường Trung cấp nghề Dân tộc	phổ thông Phan Bội Châu
57	Trường Trung cấp nghề Kinh tế	hệ An
58	Trường Trung cấp nghề Kinh tế	thuật miền Tây Nghệ An
59	Xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất	thuật miền Bắc Nghệ An
60	Mở rộng Trường Cao đẳng nghề	Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Công
61	Đầu tư xây dựng hệ thống Trung	nhị và Thương mại Nghệ An
62	Xây dựng cơ sở 2 Trung tâm bảo	hồi dưỡng chính trị, Trường chính trị tỉnh
63	Xây dựng bệnh viện sản nhi	hệ An
64	Xây dựng Bệnh viện Ung bướu	hệ An
65	Xây dựng bệnh viện khu vực Tân	hệ An
66	Xây dựng bệnh viện khu vực Tân	hệ An
67	Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Nội t	Bệnh viện Lao
68	Xây dựng bệnh viện chấn thương	hệ An
69	Trung tâm Huyết học - truyền m	

70	Xây dựng cơ sở vật chất Trung tâm y tế tuyến huyện
71	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống trạm y tế xã; phòng khám đa khoa khu vực
72	Dự án bảo tồn, tôn tạo khu di tích Kim Liên gắn với phát triển du lịch (giai đoạn 2)
73	Dự án Trung tâm Văn hoá Thanh - Thiếu niên Nghệ An (giai đoạn 1)
74	Bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử Trương Bồn
75	Xây dựng khu tưởng niệm đồng chí Lê Hồng Phong
76	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu, Phùng Chí Kiên
77	Bảo tồn và phát huy giá trị di tích Xô Viết Nghệ Tĩnh
78	Tôn tạo, nâng cấp khu di tích đồng chí Phan Đăng Lưu
79	Xây dựng Trung tâm bảo tồn và phát huy di sản dân ca xứ Nghệ
80	Phát triển Đài phát thanh - Truyền hình Nghệ An ngang tầm khu vực
81	Chính phủ điện tử
II	CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH KÊU GỌI ĐẦU TƯ
1	Xây dựng và kinh doanh cảng nước sâu, cảng Container Cửa Lò (tàu 5 vạn tấn)
2	Xây dựng và kinh doanh cảng Đông Hội (cảng chuyên dùng, tàu 1- 3 vạn DWT)
3	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thọ Lộc
4	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu A - khu công nghiệp Nam Cẩm
5	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng khu phi thuế quan
6	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghệ cao
7	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Hoàng Mai 2
8	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Sông Dinh
9	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Tân Kỳ
10	Đầu tư xây dựng khu xử lý nước thải (khu A,D) - khu công nghiệp Nam Cẩm
11	Đầu tư xây dựng khu xử lý nước thải khu công nghiệp Thọ Lộc
12	Đầu tư xây dựng nhà máy nước phía Bắc khu kinh tế Đông Nam
13	Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực Hoàng Mai
14	Đường Ven biển Nghi Sơn - Cửa Lò
15	Nâng cấp cảng Cửa Lò gắn với khu kinh tế Đông Nam
16	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đê chắn sóng và luồng tàu khu cảng Đông Hội
17	Xây dựng bến xe, chợ, trung tâm thương mại cửa khẩu Thanh thủy
18	Cụm nhiệt điện 2
19	Thủy điện Mỹ Lý
20	Nhà máy may Venture Nghệ An
21	Nhà máy may tại huyện Nghĩa Đàn
22	Tổ hợp sản xuất nguyên vật liệu, phụ kiện dày dếp công nghệ cao
23	Dự án công nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô, máy phục vụ sản xuất nông nghiệp, tàu thuyền,...
24	Các dự án công nghiệp phụ trợ ngành sản xuất tàu thủy
25	Nhà máy sản xuất sản phẩm điện tử, vi điện tử và điện dân dụng
26	Phát triển công nghệ thông tin: Sản xuất phần cứng, sản xuất phần mềm
27	Nhà máy sản xuất thiết bị viễn thông

28	Nhà máy sản xuất và lắp ráp các bảng mạch điện tử
29	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị phụ trợ công nghệ cao
30	Khu đô thị mới Smart City Vinh
31	Tổ hợp khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ
32	Tổ hợp sản xuất công nghiệp công nghệ cao
33	Trồng và chế biến cây dược liệu
34	Nhà máy sản xuất rượu bia nước giải khát
35	Nhà máy bê tông đúc sẵn tại Đông Hội
36	Nhà máy sản xuất gạch granite tự nhiên, nhân tạo
37	Dự án sản xuất các sản phẩm gốm, sứ cao cấp
38	Khai thác và chế biến đá ốp lát Marble
39	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng và vật liệu chịu lửa
40	Các dự án đầu tư xây dựng nhà máy liên hiệp khai thác, chế biến đá ốp lát, đá thủ công mỹ nghệ và bột đá siêu mịn
41	Nhà máy sản xuất vật liệu mới, vật liệu xây dựng siêu nhẹ, vật liệu cao cấp, vật liệu chống cháy,...
42	Các dự án sản xuất vật liệu xây dựng, phụ tùng ô tô, máy nông nghiệp,...
43	Nhà máy sản xuất nhựa cao cấp, nhựa phụ trợ
44	Sản xuất sơn tường
45	Nhà máy sản xuất giấy
46	Nhà máy sản xuất chất đốt sinh khối
47	Các dự án chế biến lâm sản, sản xuất phân bón, hoá chất
48	Sản xuất thuốc chữa bệnh
49	Dự án trồng cao su trên địa bàn tỉnh Nghệ An
50	Trồng và chế biến chè
51	Chăn nuôi và chế biến thịt gia súc, gia cầm
52	Nhà máy chế biến thịt hộp, thịt đông lạnh
53	Nhà máy chế biến thủy sản cao cấp
54	Nhà máy chế biến và bảo quản hoa quả
55	Trồng rau trong nhà kính, nhà lưới
56	Dự án khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
57	Nhà máy chế biến sản phẩm từ lạc
58	Nhà máy chế biến sản phẩm từ cao su
59	Nhà máy tinh bột sắn vùng miền núi
60	Trồng rừng gắn với chế biến các sản phẩm từ gỗ rừng trồng (ván ghép thanh, MDF, các sản phẩm đồ gỗ, bột giấy, than củi sạch,...)
61	Trung tâm hội nghị cấp vùng
62	Khu liên hiệp thể thao vùng Bắc Trung bộ
63	Xây dựng chợ, trung tâm thương mại dịch vụ các huyện
64	Xây dựng các bến xe, các trạm dừng nghỉ cơ giới đường bộ
65	Dự án xây dựng khu trung tâm thương mại Nguyễn Kim
66	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm Logistic

67	Xây dựng các khu đô thị mới
68	Trường đào tạo nghề trong khu kinh tế Đông Nam
69	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa giai đoạn 2
70	Khu du lịch Lâm viên Núi Quyết - Bến Thủy
71	Khu Du lịch Đền Cuông - Cửa Hiền - Hồ Xuân Dương
72	Khu du lịch biển Quỳnh
73	Khu du lịch sinh thái thác Xao Va
74	Khu du lịch sinh thái Thác Khe Kèm - vườn Quốc gia Pù Mát
75	Quần thể du lịch sinh thái Lan Châu - Song Ngư
76	Khu du lịch sinh thái Cửa Hội
77	Khu du lịch nghỉ dưỡng Đông Bình Minh
78	Khu du lịch sinh thái ven sông Lam
79	Khu du lịch sinh thái Diễn Châu
80	Khu Du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Phà Lài
81	Khu Du lịch Sinh thái Hồ Tràng Đen - chùa Đại Tuệ
82	Khu du lịch hồ Sen
83	Bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị di chỉ khảo cổ làng Vạc - thị xã Thái Hòa, gắn với phát triển du lịch văn hóa, lịch sử và sinh thái cảnh quan miền Tây Nghệ An
84	Khách sạn 4 - 5 sao

Ghi chú: Vị trí, quy mô, tổng vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư phù hợp với nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực của địa phương./.